

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2020/DS-ST**
Ngày: 24 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương
2. Ông Đỗ Xuân Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; Địa chỉ trụ sở: Số 89 lán Hạ, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96, đường T, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Lê Trường A - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96, đường T, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2020), có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Tăng Hoàng L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 87/19/4 đường Q, Tổ 29, Khu phố 12, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Hồ Chí Minh (gọi tắt là VPBank) và ông Tăng Hoàng L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 9645748/HCM/HĐTD, ký ngày 29/10/2016. Theo nội dung hợp đồng, ông L vay số tiền 140.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô tải, hiệu Changan mới 100%, thời hạn vay 72 tháng (từ ngày 01/11/2016 đến 01/11/2022), lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12.5%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày nhận nợ, mức lãi suất được định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần.

Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu: Changan, số khung RPMTN2F3CGN000530, số máy: JL465QBF5BAK000941, biển kiểm soát: 61C- 239.90 đã được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số: 037829 ngày 02/11/2016 cho ông Tăng Hoàng L theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9645748/HCM/HĐTCSP ngày 29/10/2016.

Ông Tăng Hoàng L thanh toán nghĩa vụ theo hợp đồng đến ngày 01/08/2018 thì không thể tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông L trả nợ nhưng ông L vẫn không trả. Vì vậy, khoản vay chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/08/2018. Ngân hàng nhiều lần liên hệ ông L yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi vay quá hạn nhưng ông L vẫn không thanh toán.

Tính đến ngày 13/04/2020, ông Tăng Hoàng L đã thanh toán được cho VPBank số tiền: 70.187.448 đồng. Trong đó, nợ gốc: 40.845.000 đồng, nợ lãi: 29.342.448 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Tăng Hoàng L thanh toán tổng số tiền 134.674.808 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc là 99.155.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 13/04/2020 là 35.519.808 đồng. Ngoài ra, ông Tăng Hoàng L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 14/04/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Tăng Hoàng L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp nêu trên.

Ngân hàng giao nộp các tài liệu, chứng cứ như sau: Hợp đồng tín dụng số 9645748/HCM/HĐTD ngày 29/10/2016 (bản phô tô đóng dấu của Ngân hàng); Khế ước nhận nợ số 01/9645748/HCM/HĐTD ngày 29/10/2016 (bản phô tô đóng dấu của Ngân hàng); Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 9645748/HCM/HĐTCSP ngày 29/10/2016 (bản phô tô đóng dấu của Ngân hàng); Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/10/2016 (bản phô tô đóng dấu của Ngân hàng); Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số: 037829 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an tỉnh B cấp cho ông Tăng Hoàng L ngày 02/11/2016 (bản phô tô đóng dấu của Ngân hàng); Thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn ngày 15/01/2017 Ngân hàng T (bản chính); Thông báo yêu cầu bàn giao tài sản ngày 15/01/2019 Ngân hàng T (bản chính); Quyết định số 43072 ngày 13/4/2020 về việc thu giữ tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ vay của Chủ tịch HĐ quản trị Ngân hàng T (bản chính); Bảng chi tiết tính lãi vay quá hạn ngày 13/4/2020 (bản chính); Điều lệ của ngân hàng (bản

phô tô đóng dấu của Ngân hàng); Bản tự khai ngày 22/5/2020 của ông Đặng Lê trường An (bản chính); Bảng chi tiết lãi suất cho vay tính đến ngày 22/5/2020 của Ngân hàng T (bản chính); CMND của ông Tăng Hoàng L (bản phô tô đóng dấu của Ngân hàng); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chứng thực); Giấy ủy quyền số 09/2012/UQ-CT ngày 05/7/2012, số 13/2014/UQ-TGD ngày 02/01/2014, số 51/2014/UQ-PTGD ngày 08/01/2014 (bản phô tô đóng dấu của Ngân hàng); Giấy ủy quyền số 43071/2020/VPB AMC PN ngày 13/4/2020 và số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020 (bản chính); Quyết định bổ nhiệm (bản sao).

- Bị đơn ông Tăng Hoàng L: Quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án làm việc, hòa giải; không giao nộp văn bản nêu ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giao nộp cho Tòa án Bản tự khai đề ngày 24/9/2020 và Bảng chi tiết tính lãi tiền vay quá hạn đối với ông L đến ngày 24/9/2020 với số tiền nợ gốc 99.155.000 đồng và tiền lãi quá hạn 46.561.957 đồng; Đơn đề nghị giải ngân ngày 29/10/2016 của ông Tăng Hoàng L; Tờ Ủy nhiệm chi số tiền 140.000.000.000 ngày 31/10/2016 của Chủ tài khoản Tăng Hoàng L cho Công ty CP P; chứng từ giải ngân số tiền 140.000.000 đồng cho ông L ngày 01/11/2016.

- Bị đơn ông Tăng Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Về thời hiệu khởi kiện, do bị đơn không có yêu cầu áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện nên tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của đại diện nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, phù hợp Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho ông L đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản với Ngân hàng TMCP T nhưng ông L không đến. Xác minh về nơi cư trú của ông L, Tòa được biết: Ông L có nơi cư trú tại địa chỉ số 87/19/4 đường Q, Tổ 29, Khu phố 12, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương và thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ trên. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của ông L, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm ông L trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thông báo tìm kiếm ông L theo quy định, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông L không đến tham gia phiên họp. Sau khi mở phiên họp, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho ông L biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng ông L không có ý kiến phản bác lời trình bày và các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 1, 5 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa xác định tất cả các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp và lời trình bày của đại diện nguyên đơn là chứng cứ của vụ án.

Xét Hợp đồng tín dụng số 9645748/HCM/HĐTD ngày 29/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và ông Tăng Hoàng L, thấy rằng: Về hình thức và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005 (nay là Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015) và Điều 17 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam) nên phát sinh hiệu lực.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 9645748/HCM/HĐTD ngày 29/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và ông Tăng Hoàng L là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất và được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải màu trắng, nhãn hiệu Changan, biển số 61C-239.90 mang tên ông Tăng Hoàng L. Căn cứ vào Khế ước nhận nợ số 01/9645748/ HCM/HĐTD ngày

29/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và ông L; Đơn đề nghị giải ngân ngày 29/10/2016 của ông Tăng Hoàng L; Tờ Ủy nhiệm chi số tiền 140.000.000.000 ngày 31/10/2016 của Chủ tài khoản Tăng Hoàng L cho Công ty CP P; chứng từ giải ngân số tiền 140.000.000 đồng cho ông L ngày 01/11/2016, Tòa có đủ căn cứ xác định Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã giải ngân số tiền vay 140.000.000 cho ông L vào ngày 31/10/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông L đã trả cho ngân hàng số tiền 70.187.448 đồng (trong đó nợ gốc 40.845.000 đồng, nợ lãi 29.342.448 đồng), đến ngày 01/8/2018, ông L còn nợ lại số tiền gốc 99.155.000 đồng và vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi. Do đó, ngân hàng chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn và thông báo cho ông L biết việc khởi kiện và thu hồi nợ trước thời hạn (bút lục số 23) là đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay và khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Xét mức lãi suất, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn, thấy rằng: Theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 11 Quy chế cho vay thì ngân hàng và ông L được quyền thỏa thuận mức lãi suất cho vay theo quy định pháp luật. Do đó, việc thỏa thuận mức lãi suất cho vay, điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng/lần trong biên độ và lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay ghi trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ là không trái quy định pháp luật. Vì vậy, khi ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng yêu cầu ông L trả lại số tiền nợ gốc 99.155.000 đồng, tiền lãi trong hạn 32.827.581 đồng, tiền lãi quá hạn 16.413.791 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2020) là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu phát mãi tài sản, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp tài sản số 9645748/HCM/HĐTCSP ngày 29/10/2016 giữa ngân hàng và ông L được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 và Nghị định 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/2/2012 của Chính phủ nên phát sinh hiệu lực. Do đó, trường hợp ông L không trả số nợ trên, ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí thông báo tìm kiếm ông L: Tổng số tiền 2.439.000đ, ngân hàng phải chịu số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí theo quy định pháp luật; hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 và các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn ông Tăng Hoàng L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản.

Buộc ông L trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền 145.716.957đ (một trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm mười sáu ngàn, chín trăm năm mươi bảy đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 99.155.000đ (chín mươi chín triệu, một trăm năm mươi lăm ngàn đồng) và tiền lãi quá hạn 46.561.957đ (bốn mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn, chín trăm năm mươi bảy đồng), tính đến ngày 24/9/2020 theo Hợp đồng tín dụng số 9645748/HCM/HĐTD ngày 29/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) và ông Tăng Hoàng L.

Tiền lãi từ ngày 25/9/2020 trở đi được tiếp tục tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi ông L trả hết số nợ trên, Ngân hàng TMCP T và ông L có trách nhiệm thực hiện thủ tục xóa đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản, Ngân hàng TMCP T trả lại ông L bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037829 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh B cấp cho ông L ngày 02/11/2016.

Trường hợp ông L không trả số tiền trên hoặc trả nhưng không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản là chiếc xe ô tô tải màu trắng, nhãn hiệu Changan, biển số 61C-239.90 theo Hợp đồng thế chấp số: 9645748/HCM/HĐTCSP ngày 29/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) và ông Tăng Hoàng L.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

- Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP T đã nộp xong số tiền 2.439.000đ (hai triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm

Ông L nộp số tiền 7.286.000đ (bảy triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền 3.367.000đ (ba triệu, ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số

AA/2016/0041703, ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình